

Số: 34 /BC-LTV

Đắk Mól, ngày 02 tháng 5 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023

I. Tình hình chung (đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn):

1. Ưu điểm:

– Nhà trường có sự chú trọng đến việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Đặc biệt, đảm bảo rằng mọi người có kiến thức và kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin (CNTT), kỹ năng an toàn thông tin và kỹ năng sử dụng các ứng dụng phục vụ công việc dạy học hàng ngày.

– Trong lĩnh vực nhân lực, nhà trường đã triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đưa môn Tin học vào giảng dạy bắt buộc từ lớp 3, đảm bảo 100% học sinh lớp 3 được học Tin học 01 tiết/tuần. Áp dụng mô hình giáo dục STEM, trong đó giáo viên được tiếp cận và dạy lồng ghép các môn học, kết hợp việc sử dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống.

– Về dạy học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT, đóng góp học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và ngành giáo dục. Tham gia xây dựng bài giảng điện tử e-learning chất lượng, đóng góp vào việc xây dựng ngân hàng đề và câu hỏi trắc nghiệm, góp phần xây dựng xã hội học tập và thúc đẩy việc học tập suốt đời.

– Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu chung từ sở GDĐT, phòng GDĐT đến nhà trường. Định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh, hỗ trợ tuyển sinh, thống kê và báo cáo trong toàn trường. Nhà trường cũng sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và duyệt giáo án qua drive, và hầu hết cán bộ, giáo viên và nhân viên đều áp dụng hiệu quả và tích cực.

2. Tồn tại, hạn chế:

– Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền và dịch vụ Internet chưa đồng bộ và ổn định.

– Quá trình số hóa, xây dựng và cập nhật học liệu số, thẩm định và chia sẻ học liệu số đòi hỏi đầu tư lớn về nhân lực (bao gồm cả nhân lực quản lý và triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và tham khảo của giáo viên và học sinh. Hiện nay, việc khai thác học liệu số như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử và

phần mềm học liệu điện tử vẫn còn tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

– Trình độ tin học của cán bộ, giáo viên và nhân viên còn hạn chế, gây khó khăn trong việc thực hiện chuyển đổi số.

II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Thực hiện công văn số 141/PGD&ĐT của Phòng GD&ĐT huyện Đắk Song về việc khảo sát mức độ chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục.

2. Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

– Nâng cao chất lượng giảng dạy: Việc sử dụng CNTT trong giảng dạy đã tạo ra những trải nghiệm học tập mới, tăng tính tương tác và thú vị cho học sinh. Các công cụ và ứng dụng CNTT giúp giáo viên trình bày và truyền đạt kiến thức một cách trực quan và sinh động hơn, tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các hoạt động học tập tích cực và sáng tạo.

– Mở rộng phạm vi kiến thức: CNTT cho phép học sinh và giáo viên tiếp cận với thông tin và kiến thức từ khắp nơi trên thế giới thông qua internet. Các tài liệu học tập, sách điện tử, video giảng dạy và nguồn tư liệu phong phú trên mạng đã mở ra một thế giới kiến thức đa dạng và không giới hạn cho cộng đồng giáo dục.

– Tăng cường tương tác và giao tiếp: CNTT đã tạo ra các công cụ và nền tảng giao tiếp trực tuyến như diễn đàn, nhóm chat và video hội thảo, giúp học sinh và giáo viên kết nối và trao đổi kiến thức một cách dễ dàng. Điều này tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào học tập cộng đồng, giao lưu và chia sẻ ý kiến, tạo ra môi trường học tập phản hồi và hỗ trợ.

– Tích cực quản lý học sinh và nhân sự: Hệ thống quản lý học sinh, sổ điểm điện tử và hồ sơ điện tử đã giúp nhà trường nâng cao hiệu quả quản lý học sinh và nhân sự. Các công nghệ này cho phép ghi chép, theo dõi và phân tích dữ liệu một cách tự động, giúp nhà trường có cái nhìn toàn diện về tiến độ học tập và quá trình phát triển của học sinh và nhân sự.

– Tăng cường sự linh hoạt và tiết kiệm thời gian: CNTT đã giúp tối ưu hóa quá trình quản lý, giao tiếp và tổ chức công việc trong giáo dục. Các ứng dụng và công cụ quản lý trực tuyến đã giảm bớt thủ tục giấy tờ, tăng tốc độ xử lý thông tin và giảm thời gian tiêu tốn trong quá trình làm việc.

3. Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể:

Nội dung	Trả lời	
3.1. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá		
Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:		

Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS)	Có	Không
Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính	Có	Không
Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có bao nhiêu?	Số lượng	
Học liệu năm học 2022-2023 xây dựng được: 3 học liệu	Số lượng	
3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục		
Triển khai phần mềm quản trị trường học	Có	Không
Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	Có	Không
Triển khai chữ ký số	Có	Không
Số giáo viên đã được cấp chữ ký số: 23 giáo viên	Số lượng	
Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	Có	Không
3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		
Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh	Có	Không
Có phòng phát triển học liệu (phòng studio)	Có	Không
Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3) theo QĐ4725	Mức 1	
3.4. Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL		
Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng hạn	
Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng hạn	
3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		
-Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến	27	100 %
Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số	27	100 %
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị	29	100%
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin	15	51%

STT	Nhóm tiêu chí	Mức chưa đáp ứng	Mức đáp ứng cơ bản	Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)
-----	---------------	------------------	--------------------	----------------------------

		(Mức độ 1)		(Mức độ 2)		Số lượng	Tỷ lệ %
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %		
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	0	0	3	60%	2	40%
2	Chuyển đổi số trong quản trị CSGD	0	0	0	0	2	100%

1. Khó khăn, vướng mắc

– Hạ tầng CNTT chưa đồng bộ: Một trong những vướng mắc quan trọng là hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT và đường truyền internet chưa đáp ứng đủ nhu cầu của trường học. Điều này gây khó khăn trong việc triển khai và sử dụng các ứng dụng và công nghệ CNTT trong quá trình giảng dạy và quản lý.

– Thiếu nguồn lực và đầu tư: Việc triển khai và duy trì hệ thống CNTT đòi hỏi đầu tư lớn về nhân lực, phần cứng và phần mềm. Thiếu nguồn lực và đầu tư làm hạn chế khả năng cung cấp và duy trì các thiết bị CNTT hiện đại, cập nhật các phần mềm mới nhất và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về CNTT.

– Đào tạo và nâng cao năng lực CNTT: Trình độ tin học của cán bộ giáo viên và nhân viên quản lý chưa đáp ứng đủ yêu cầu của việc triển khai và sử dụng CNTT. Việc đảm bảo đào tạo và nâng cao năng lực CNTT cho đội ngũ giáo viên và nhân viên quản lý là một thách thức, đặc biệt là đối với những người có trình độ tin học cơ bản.

– Quản lý và kiểm soát nội dung: Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và Internet đã tạo ra một lượng lớn nội dung trực tuyến. Tuy nhiên, việc quản lý và kiểm soát nội dung này để đảm bảo tính an toàn và chất lượng cho học sinh là một thách thức. Cần có sự cân nhắc và thực hiện các biện pháp để đảm bảo rằng học sinh chỉ tiếp xúc với nội dung phù hợp và hợp lý.

2. Kiến nghị, đề xuất

– Đầu tư vào hạ tầng CNTT: Nhà trường nên đồng bộ và nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền và dịch vụ Internet để đảm bảo sự ổn định và hiệu quả trong việc sử dụng công nghệ trong quá trình dạy học và quản lý.

– Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên về CNTT: Nhà trường cần đầu tư vào việc đào tạo và nâng cao trình độ tin học của cán bộ, giáo viên và nhân viên. Điều này giúp sử dụng thành thạo CNTT, tận dụng các ứng dụng và công nghệ mới để tăng cường hiệu quả giảng dạy và quản lý.

– Xây dựng và quản lý hệ thống học liệu số: Nhà trường cần xây dựng một hệ thống học liệu số hợp lý, bao gồm sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi

trắc nghiệm, bài giảng điện tử và phần mềm học liệu điện tử. Hệ thống này nên được thẩm định, kiểm soát chất lượng và cung cấp nội dung học tập đáng tin cậy và phù hợp.

– Đẩy mạnh công tác đào tạo STEM và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy: Nhà trường có thể tăng cường việc đào tạo giáo viên về giáo dục STEM và cách sử dụng công nghệ trong giảng dạy. Điều này giúp tăng khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc áp dụng công nghệ vào giảng dạy.

– Tăng cường sự hỗ trợ và đổi mới công nghệ: Nhà trường nên tìm kiếm sự hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm và chuyên môn trong việc triển khai chuyển đổi số. Đồng thời, nên theo dõi và áp dụng các xu hướng công nghệ mới để nâng cao chất lượng giảng dạy và quản lý giáo dục.

– Tạo ra một môi trường học tập và nghiên cứu kỹ thuật số: Nhà trường có thể khuyến khích giáo viên và học sinh tham gia vào việc chia sẻ tài liệu học tập, tạo ra ngân hàng đề và câu hỏi trắc nghiệm, cùng nhau xây dựng một cộng đồng học tập trực tuyến. Điều này sẽ tạo điều kiện cho việc học tập suốt đời và phát triển năng lực số của cả cán bộ, giáo viên và học sinh.

– Hợp tác với các đối tác địa phương và doanh nghiệp công nghệ: Nhà trường có thể thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác địa phương và doanh nghiệp công nghệ để chia sẻ kinh nghiệm và tài nguyên, cùng nhau xây dựng mô hình giáo dục số tiên tiến và hỗ trợ tài chính, kỹ thuật trong việc triển khai chuyển đổi số.

4. Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT năm học 2023-2024

a) Nhiệm vụ trọng tâm:

– Nâng cao trình độ CNTT của cán bộ, giáo viên và nhân viên: Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên và nhân viên về CNTT, tập trung vào việc nắm vững các kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ trong công việc và giảng dạy. Điều này có thể bao gồm các khóa đào tạo, buổi hướng dẫn, và tổ chức chia sẻ kinh nghiệm về việc áp dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý.

– Xây dựng và quản lý hệ thống học liệu số: Tập trung vào việc xây dựng và phát triển hệ thống học liệu số, bao gồm sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử và phần mềm học liệu điện tử. Đảm bảo việc cập nhật, thẩm định và chia sẻ học liệu số một cách đáng tin cậy và hiệu quả.

– Nâng cấp hạ tầng CNTT: Đầu tư vào hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền và dịch vụ Internet để đảm bảo sự ổn định và khả năng truy cập vào CNTT trong quá trình dạy học và quản lý. Kiểm tra và cải thiện hệ thống mạng và hệ thống máy chủ, đảm bảo rằng các thiết bị và kết nối mạng đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

b) Giải pháp chính:

– Tổ chức các khóa đào tạo và buổi hướng dẫn: Tổ chức các khóa đào tạo, buổi

hướng dẫn về CNTT cho cán bộ, giáo viên và nhân viên nhằm nâng cao trình độ và kỹ năng sử dụng công nghệ. Cung cấp hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các ứng dụng và công nghệ trong giảng dạy và quản lý.

– Xây dựng một môi trường học tập trực tuyến: Tạo ra một môi trường học tập và nghiên cứu kỹ thuật số, nơi cán bộ, giáo viên và học sinh có thể chia sẻ tài liệu học tập, tham gia vào các hoạt động trực tuyến, và tiếp cận các tài nguyên giáo dục số. Xây dựng cộng đồng học tập trực tuyến để tăng cường sự tương tác và hỗ trợ giữa các thành viên trong nhà trường.

– Hợp tác với các đối tác địa phương và doanh nghiệp công nghệ: Thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác địa phương và doanh nghiệp công nghệ để nhận sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính. Tận dụng kiến thức và kinh nghiệm của các đối tác để triển khai các giải pháp CNTT tiên tiến và tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý.

– Đẩy mạnh việc tìm kiếm và áp dụng các công nghệ mới: Theo dõi và nắm bắt các xu hướng công nghệ mới trong lĩnh vực giáo dục và ứng dụng vào thực tế. Tìm kiếm các giải pháp và ứng dụng mới nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy và quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của học sinh và giáo viên.

Các nhiệm vụ và giải pháp trên giúp nhà trường tập trung vào việc triển khai ứng dụng CNTT trong năm học 2023-2024, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy và quản lý, đồng thời tạo ra môi trường học tập tiên tiến và phù hợp với yêu cầu của thời đại số.

5. Đề xuất, kiến nghị

- *Không*

HIỆU TRƯỞNG

Trần Xuân Yên

PHỤ LỤC

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

St t	Nội dung	Kết quả hội đồng tự đánh giá (các trường Tiểu học và Trung học cơ sở)													
		Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)							Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)					Điểm Dạy học	Điểm Quản trị
	Tên đơn vị	1.1 (có/không)	1.2 (có/không)	1.3 (30 đ)	1.4 (10đ)	1.5 (20đ)	1.6 (20 đ)	1.7 (20đ)	2.1 (có/khôn g)	2.2 (có/khôn g)	2.3 (70 đ)	2.4(30đ)			
1	Trường	có	có	27	5	17	15	12	có	có	53	27			156

(PGDD xây dựng đề cương báo cáo này Theo hướng dẫn nhiệm vụ cv 963/SGDDĐT-VP, ngày 1/6/2023, các trường hoàn thành:

- 1. Báo cáo trên+Phụ lục thống kê; 2. PL QDD4725 và minh chứng dẫn link trong phụ lục lưu trên web và google drive)**
- 2. lưu trữ báo cáo + PL QDD4725 + minh chứng các loại văn bản trên web**
- 3. Hồ sơ mang về PGDDĐT gồm 2 bộ đóng cuốn, mỗi bộ gồm: (1. Báo cáo CDS mẫu trên; 2. PL QĐ4725 chấm điểm, minh chứng(link), thống kê kết quả) khi đi mang theo máy tính có kết nối mạng internet phục vụ kiểm tra, lấy minh chứng.**